TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TA** TỈNH PHÚ YÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2020/DS-ST
Ngày 28-9-2020
V/v Tranh chấp di sản thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điều và Nguyễn Mạnh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký TAND huyện TA, tỉnh Phú Yên

- Viện kiểm sát nhân dân huyện TA tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 và ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TA, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2018/DSST ngày 06 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp di sản thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị Thu H, sinh năm 1945

Địa chỉ: Thôn PL, xã AC, huyện TA, tỉnh Phú Yên

Có mặt

2. Bị đơn: Ông Phan Mỹ H, sinh năm 1966, Phan Mỹ T, sinh năm 1969, Phan Thị L, sinh năm 1970, Phan Mỹ S, sinh năm 1972, Phan Thị H, sinh năm 1975, Phan Thị Hồng L, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Thôn PL, xã AC, huyện TA, tỉnh Phú Yên

Ông H, ông T, ông S, bà L có mặt

Bà L, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Tô Thị Thu H trình bày: Bà và ông Phan Mỹ T là vợ chồng, trong quá trình sống chung có tạo lập được một ngôi nhà cấp 4 trên diện tích 686,9m^2, trong đó có 200m^2 đất ở và 486.9m^2 đất vườn. Năm 2015 ông T chết không để lại di chúc. Bà có nguyện vọng được giao nhà và đất của vợ chồng

bà cho con gái Phan Thị Hồng L trực tiếp quản lý sở hữu nhưng nay chồng bà đã mất nên bà đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật về thừa kế.

Bị đơn ông Phan Mỹ H, Phan Mỹ T, Phan Thị Hồng L thống nhất trình bày: Toàn bộ tài sản theo biên bản định giá ngày 05/7/2019 là của cha mẹ ông Phan Mỹ T và Tô Thị Thu H tạo lập đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G724757 ngày 22/9/1999. Nay cha chúng tôi đã chết không để lại di chúc, mẹ chúng tôi có nguyện vọng phân chia rõ ràng để anh em yên tâm làm ăn, phần di sản thừa kế mà chúng tôi được nhận chúng tôi thống nhất giao cho mẹ Tô Thị Thu H trực tiếp quản lý sở hữu.

Bị đơn Phan Mỹ S trình bày: Phần di sản thừa kế mà ông được nhận, ông xin nhận phần diện tích đất bằng hiện vật, còn phần giá trị tài sản trên đất ông để cho mẹ ông Tô Thị Thu H sở hữu.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt Phan Thị L, Phan Thị H trình bày: Do đi làm ăn xa không tham gia phiên tòa được. Phần di sản được thừa kế được nhận giao cho mẹ Tô Thị Thu H trực tiếp quản lý sở hữu.

Tại biên bản xác minh ngày 06/7/2020, UBND xã cung cấp tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP thì phần diện tích đất tại thửa 85, tờ bản đồ số 8 được cân đối giao cho vợ chồng ông T, bà H.

Tại biên bản xác minh ngày 27/8/2020, Chi nhánh Văn phòng quản lý đất đai huyện TA cung cấp: Diện tích tối thiểu để được tách thửa đối với đất ở cũng như đất trồng cây hàng năm khác là 70m^2

Ngày 22/8/2020, Tòa án nhân dân huyện TA ngừng phiên tòa

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý nhận phần di sản thừa kế của các con cho.

Bị đơn ông H, ông T, bà L, bà H, bà L vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, cho bà H toàn bộ phần di sản thừa kế được nhận.

Bị đơn ông S vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, cho bà H phần di sản thừa kế là tài sản trên đất, xin nhận phần di sản thừa kế là diện tích đất bằng hiện vật không đồng ý nhận bằng giá trị.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng khi tiến hành xét xử tại phiên tòa.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; ghi nhận sự tự nguyện của ông H, ông T, bà L, bà H, bà L về việc giao lại toàn bộ di sản thừa kế cho bà H sở hữu; ghi nhận sự tự nguyện của ông S về việc giao phần di sản thừa kế là tài sản trên đất cho bà H sở hữu; bác yêu cầu của ông S xin nhận di sản thừa kế diện tích đất bằng hiện vật vì không đủ điều kiện tách thửa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Pháp luật về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phan Mỹ T. Ông T chết năm 2015 do đó căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp di sản thừa kế".

[2] Pháp luật về nội dung: Yêu cầu của bà Tô Thị Thu H được Tòa án thụ lý ngày 06/12/2018. Do đó, căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Trong quá trình sống ông T, bà H tạo lập một ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ trên diện tích đất 686,9m^2 trong đó 200m^2 đất ở và 486,9m^2 đất vườn liền kề được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 724757 ngày 22/9/1999. Được UBND xã AC xác định diện tích đất này đã cân đối theo Nghị định 64/CP cho ông T, bà H. Năm 2015 ông T chết không để lại di chúc nên yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận.

[4] Theo biên bản định giá tài sản và bản vẽ hiện trạng ngày 05/7/2019 tổng diện tích đất mà ông T và bà H tạo lập là 686,9m^2 trong đó 200m^2 đất ở, 486,9m^2. Tại thời điểm ông T chết, phần di sản ông T để lại là 1/2 tổng số đất trên là 100m^2 đất ở và 243,45m^2 đất vườn liền kề.

[5] Ông T chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật. Tại thời điểm ông T chết, cha mẹ đẻ không còn, ông T không nhận ai làm con nuôi nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm có: Vợ và các con là bà Tô Thị Thu H, ông T, ông H, ông S, bà H, bà L và bà L. Do đó khối di sản thừa kế ông T để lại là 100m^2 đất ở, 243,45m^2 đất vườn và 1/2 khối tài sản trên đất gồm: 84,52m^2 nhà chính, 21,6m^2 nhà bếp, 4,65m^2 nhà vệ sinh, giếng nước xếp đá đường kính 1,4m, 53m tường rào lưới B40, 53m kè chắn đất xây bằng đá học, 25m tường rào xây bằng gạch, 12m^2 chái trước nhà chính và 28m^2 nền sân nhà chính lát đan bê tông theo biên bản định giá ngày 05/7/2019 có tổng giá trị các tài sản là 172.943.300 đồng nên 1/2 là 86.471.650 đồng được chia đều cho 07 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, mỗi người được nhận 14,28m^2 đất ở, 34,71m^2 đất vườn liền kề và 12.353.000 đồng.

[6] Phần di sản thừa kế được nhận của ông H, ông T, bà L, bà H và bà L đều thống nhất để lại cho bà H sở hữu nên ghi nhận.

[7] Ông S có nguyện vọng để lại phần di sản thừa kế là giá trị tài sản trên đất cho bà H sở hữu nên ghi nhận.

[8] Ông S có nguyện vọng được nhận di sản thừa kế phần diện tích đất bằng hiện vật, diện tích đất được chia mỗi phần di sản được hưởng là 14,28m^2 đất ở và 34,71m^2 đất vườn liền kề, theo Chi nhánh Văn phòng quản lý đất đai huyện TA tại biên bản xác minh ngày 27/8/2020 thì diện tích tối thiểu để được tách thửa đối với

đất ở cũng như đất trồng cây hàng năm khác là 70m^2 nên phần di sản thừa kế diện tích đất mỗi phần được chia không đủ diện tích để tách thửa. Do đó không phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật theo yêu cầu của ông S nên Hội đồng xét xử giao phần diện tích đất của ông S được hưởng thừa kế cho bà H sở hữu, bà H có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho ông S theo biên bản định giá ngày 05/7/2019 là 14,28m^2 x 150.000đồng/m^2 = 2.143.000 đồng và 34,71m^2 x 90.000đồng/m^2 = 3.130.900 đồng. Tổng cộng bà Tô Thị Thu H phải thanh toán giá trị thừa kế cho ông Phan Mỹ S là 5.274.000 đồng.

[9] Về chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu 4.000.000đồng chi phí định giá tài sản, đã nộp đủ.

[10] Về án phí: Bà Tô Thị Thu H được nhận phần di sản thừa kế do ông H, ông T, bà L, bà H, bà L cho nên phải chịu án phí trên số di sản được nhận, ông Phan Mỹ S phải chịu án phí trên số di sản thừa kế được nhận, ông H, ông T, bà L, bà H, bà L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 623, 649, 650, 651 Bộ Luật dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2018.

Bà Tô Thị Thu H được quyền sở hữu 686,9m^2 đất tại thôn PL, xã AC, huyện TA. Trong đó 200m^2 đất ở và 486,9m^2 đất vườn liền kề cùng các tài sản gắn liền trên đất gồm: 84,52m^2 nhà chính; 21,6m^2 nhà bếp; 4,65m^2 nhà vệ sinh; giếng nước xếp đá đường kính 1,4m; 53m tường rào lưới B40; 53m kè chắn đất xây bằng đá học; 25m tường rào xây bằng gạch; 12m^2 chái trước nhà chính và 28m^2 nền sân nhà chính lát đan bê tông theo biên bản định giá ngày 05/7/2019. Bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan Mỹ S 5.274.000 đồng khoản giá trị di sản thừa kế là quyền sử dụng đất được nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm khoản lãi suất theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Về án phí: Nguyên đơn bà Tô Thị Thu H phải chịu 12.074.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007475 ngày 06/12/2018 nên còn phải nộp 11.774.500 đồng.

Ông Phan Mỹ S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn bà Tô Thị Thu H tự nguyện chịu 4.000.000đồng, đã nộp đủ tại phiếu thu ngày 28/3/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND h. TA;
- Chi cục THADS h. TA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Cơ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**